

Số: 149/2024/QĐST-VDS

Mai Sơn, ngày 24 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 218/2024/VDS-HNGĐ ngày 05/9/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Hà Thị L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản I, xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Tòng Văn P, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản B, xã C, huyện Mai Sơn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Tòng Văn P và chị Hà Thị L kết hôn với nhau từ năm 2013 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Mai Sơn vào ngày 25/10/2013. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Anh P cho rằng nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng phát sinh những mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến cãi vã. Khi mâu thuẫn chưa được giải quyết thì vợ lại đi làm xa, ít khi về nhà nên tình cảm ngày càng rạn nứt. Chị L cũng xác nhận mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Sau khi anh chị được gia đình hòa giải nhưng không thành nên quyết định sống ly thân được khoảng 01 năm. Hiện nay, anh chị xác định không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên quyền định công nhận thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị L và anh P xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể quay lại chung sống, giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh chị xác định có 02 con chung là cháu cháu Tông Thiên P2, sinh ngày 13/4/2016 và cháu Tông Thị Thanh H, sinh ngày 19/7/2014. Anh chị đã bàn bạc thống nhất chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoài, anh P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phú đến tuổi trưởng thành và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Tại biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu H có nguyện vọng ở với chị L, cháu P có nguyện vọng ở với anh P sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên, ý kiến nguyện vọng của con chung và đảm bảo cho sự phát triển của con chung nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị L và anh P thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Không có.

[5] Về lệ phí tòa án: Chị Hà Thị L và anh Tông Văn P thống nhất mỗi người chịu 50% lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 16 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Tông Văn P và chị Hà Thị L.
 - Về con chung: Chị Hà Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tông Thị Thanh H, sinh ngày 19/7/2014 đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh Tông Văn P nhận trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tông Thiên P2, sinh ngày 13/4/2016 đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.
- Sau khi ly hôn, chị L và anh P được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
 - Về tài sản chung vợ chồng: Chị L và anh P thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.
 - Về nợ chung vợ chồng: Không có.
 - Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Hà Thị L chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 VND (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001366 ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, được trả lại 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Tòng Văn P chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã M, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân

